

Số: 238/NQ-TTHĐND

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 11 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

**THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Thực hiện Kết luận số 74-KL/TU ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự kiến phương án nhân sự bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Sau khi thống nhất ý kiến với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 85 người.

Đảm bảo số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất là 153 đại biểu; sau Hội nghị hiệp thương lần thứ 3 lựa chọn, lập danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tối thiểu là 133 người để bầu lấy 85 đại biểu.

**Điều 2. Cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

1. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ở các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là 47 đại biểu, chiếm 55,29%, được phân bổ như sau:



- Khối đảng: 08 đại biểu, chiếm 9,41%, (Thường trực Tỉnh ủy: 03, Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban của Tỉnh ủy: 05);

- Hội đồng nhân dân tỉnh: 20 đại biểu, chiếm 23,53%, (18 đại biểu chuyên trách hiện tại và 02 ủy viên chuyên trách của 02/04 Ban theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội);

- Khối Mặt trận, Tổ chức chính trị xã hội: 06 đại biểu, chiếm 7,06% (bao gồm: Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: 01, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội: 05);

- Ủy ban nhân dân tỉnh: 02 đại biểu, chiếm 2,35%;

- Các sở, ngành: 04 đại biểu, chiếm 4,71% (01 khối kinh tế, 01 khối văn hóa xã hội, 01 khối Khoa học Công nghệ và 01 sở có yếu tố đặc thù);

- Khối tư pháp: 01 đại biểu, chiếm 1,18% (Tòa án);

- Khối lực lượng vũ trang: 02 đại biểu (Công an, Quân đội), chiếm 2,35%;

- Khối tổ chức xã hội: 02 đại biểu, chiếm 2,35% (chức sắc tôn giáo);

- Khối tổ chức kinh tế: 01 đại biểu doanh nghiệp, chiếm 1,18%;

- Khối đơn vị sự nghiệp: 01 đại biểu, chiếm 1,18% (y tế).

2. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ở các xã, phường, đặc khu là 38 đại biểu, chiếm 44,71%.

### 3. Cơ cấu và cơ cấu kết hợp

Cơ cấu dự kiến tính trên tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2026 - 2031, tối thiểu là 133 người ứng cử (*sau hội nghị Hiệp thương lần 3*):

- Cơ cấu dân tộc tối thiểu số phần đầu tối thiểu 13 người, chiếm 9,77%;

- Cơ cấu nữ tối thiểu 47 người, chiếm 35,34%, phần đầu tỷ lệ trúng cử khoảng 30% tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Ngoài đảng tối thiểu 14 người, chiếm 10,53%;

- Cơ cấu trẻ dưới 40 tuổi tối thiểu 20 người, chiếm 15,04%;

- Đại biểu tái cử phần đầu tối thiểu 40 người, chiếm 30,08%.

### 4. Phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử

Căn cứ vào quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị quyết này và Điều 9 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc



Việt Nam tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp tỉnh và các đơn vị hành chính cấp xã, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo quy định pháp luật.

(phụ lục 1, 2 phân bổ kèm theo)

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Ủy ban bầu cử tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban bầu cử các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./. *DL*

#### **Nơi nhận:**

- Hội đồng Bầu cử Quốc gia;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh;
- Ủy ban Bầu cử tỉnh;
- Ban Tổ chức TU; Sở Nội vụ;
- LĐVP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường và đặc khu Phú Quý;
- Lưu: VT, Ph. DNNT.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND  
CHỦ TỊCH**



**Lưu Văn Trung**





**Phụ lục 1. PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG NGƯỜI GIỚI THIỆU ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG NHIỆM KỲ 2026-2031**

(kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-TTHĐND ngày 28/11/2025 của Thường trực HĐND tỉnh)

I	Khối tỉnh	Đại biểu được phân bổ	Số người được giới thiệu ứng cử	Thành phần				Cơ cấu và cơ cấu kết hợp (tính theo số lượng ứng cử sau hiệp thương lần 3)						Cơ cấu định hướng
				Lãnh đạo cấp sở trở lên	Lãnh đạo cấp phòng	Cá nhân tiêu biểu trên lĩnh vực	Khác	Nữ	Trẻ (dưới 40 tuổi)	Ngoài đảng	DTTS	Tái cử	Tôn giáo	
1	Văn phòng Tỉnh ủy	4	5	4	1			1				3		
2	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	1	2	1	1							1		
3	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	1	2	1	1									
4	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	1	2	1	1			1	1					
5	Ban Nội chính Tỉnh ủy	1	2	1	1									
6	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	20	24	18	6			8			4	18		
7	Văn phòng UBND tỉnh	2	3	2	2							2		
8	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (02 chức sắc tôn giáo)	3	5	1	1	1	2	2		2	1	1	2	Chức sắc tôn giáo (Phật giáo, Thiên chúa giáo)
9	Tinh đoàn Thanh niên	1	5	1	2	2		1	3	1	1		1	
10	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh	1	5	1	2	2		3	1	1	1	1	1	
11	Hội Nông dân tỉnh	1	4	1	1	2		1	1	1	1	1	1	
12	Liên đoàn Lao động tỉnh	1	4	1	1	2		1	1	1	1	1	1	
13	Hội Cựu chiến binh tỉnh	1	3	1	1	1				1	1			
14	Công an tỉnh	1	1	1										
15	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1	1	1										
16	Tòa án nhân dân tỉnh	1	1	1				1						
17	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	1	1				1			1				(01 lãnh đạo doanh nghiệp)
	<b>Sở, ngành, đơn vị sự nghiệp</b>	<b>5</b>	<b>18</b>	<b>5</b>	<b>8</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	
18	Sở Dân Tộc và Tôn giáo	1	4	1	2	1		2	1	1	1	1		
19	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	4	1	1	2		1	1	1		1		
20	Sở Tài chính	1	4	1	2	1		1	1					
21	Sở Khoa học và Công nghệ	1	3	1	2			1	1					
22	Bệnh viện Đa Khoa Tỉnh Lâm Đồng	1	3	1	1	1		1	1					
	<b>Tổng khối tỉnh</b>	<b>47</b>	<b>88</b>	<b>42</b>	<b>29</b>	<b>15</b>	<b>3</b>	<b>25</b>	<b>12</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>30</b>	<b>6</b>	
II	Khối xã	38	65					30	25	7	8	19	5	
III	Tổng	85	153	42	29	15	3	55	37	17	19	49	11	
	Tỷ lệ	100%	180.00%					41.35%	27.82%	12.78%	14.29%	36.84%	8.27%	



**Phụ lục 2. PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG NGƯỜI GIỚI THIỆU ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG NHIỆM KỲ 2026-2031**

*(kèm theo Nghị quyết số 238/NQ-TTHĐND ngày 28/11/2025 của Thường trực HĐND tỉnh)*

STT	Tên đơn vị	Số lượng đại biểu phân bổ	Số người giới thiệu ứng cử	Thành phần người được giới thiệu ứng cử										Cơ cấu định hướng			
				Lãnh đạo cấp xã	Lãnh đạo cấp phòng Khác (lãnh đạo DN, chức sắc, công chức, viên chức,...)	Lĩnh vực công tác						Cơ cấu và cơ cấu kết hợp (tính theo số lượng ứng cử sau hiệp thương lần 3)					
						Đảng	Hội đồng nhân dân	Ủy ban nhân dân	Mặt trận, Tổ chức chính trị - xã hội	Khác (Y tế, giáo dục, KH-CN, nông dân, công nhân, tôn giáo, kinh tế,...)	Nữ	Trẻ (dưới 40 tuổi)	Ngoài đảng		Dân tộc thiểu số	Tái cử	Tôn giáo
1	Phường Lang Biang - Đà Lạt	1	1			1					1					nguồn QH Lãnh đạo HĐND tỉnh	
2	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	1	1			1								1		nguồn QH Lãnh đạo HĐND tỉnh	
3	Xã Đam Rông 2	1	1			1							1		1	Thiên chúa	
4	Xã Nam Ban Lâm Hà	1	1			1				1				1			
5	Xã Tân Hà Lâm Hà	1	1			1				1							
6	Xã Đức Trọng	1	1								1						
7	Xã Tà Hine	1	1			1											
8	Xã Đơn Dương	1	1			1				1				1		nguồn QH Lãnh đạo HĐND tỉnh	
9	Xã Bảo Thuận	1	1			1				1			1	1			
10	Xã Hòa Ninh	1	1								1						
11	Phường 2 Bảo Lộc	1	1				1			1	1			1			
12	Phường 1 Bảo Lộc	1	1				1			1				1			
13	Xã Bảo Lâm 2	1	1			1								1			
14	Xã Đạ Huoai 2	1	1			1				1							
15	Xã Đạ Tẻh	1	1			1											
16	Phường Mũi Né	1	1			1										nguồn QH Lãnh đạo HĐND tỉnh	
17	Phường Hàm Thắng	1	1			1				1	1					HĐND tỉnh	
18	Phường Phan Thiết	1	1			1								1		nguồn QH Lãnh đạo HĐND tỉnh	
19	Phường Phước Hội	1	1			1								1			
20	Xã Liên Hương	1	1			1								1		nguồn QH Lãnh đạo HĐND tỉnh	



STT	Tên đơn vị	Số lượng đại biểu phân bổ	Thành phần người được giới thiệu ứng cử											Cơ cấu định hướng								
			Số người giới thiệu ứng cử	Lãnh đạo cấp xã	Lãnh đạo cấp phòng	Khác (lãnh đạo DN, chức sắc, công chức, viên chức,...)	Lĩnh vực công tác				Cơ cấu và cơ cấu kết hợp (tính theo số lượng ứng cử sau hiệp thương lần 3)											
							Đảng	Hội đồng nhân dân	Ủy ban nhân dân	Mặt trận, Tổ chức chính trị - xã hội	Khác (Y tế, giáo dục, KHCN, nông dân, công nhân, tôn giáo, kinh tế,...)	Nữ	Trẻ (dưới 40 tuổi)		Ngoài đảng	Dân tộc thiểu số	Tái cử	Tôn giáo				
21	Xã Phan Rí Cửa	1	1			1																
22	Xã Bắc Bình	1	1			1																
23	Xã Lương Sơn	1	1			1																nguồn QH TTHĐND tỉnh
24	Xã Hồng Sơn	1	1			1				1	1											
25	Xã Hàm Liêm	1	1			1				1												
26	Xã Hàm Thuận Nam	1	1			1				1												
27	Xã Hàm Tân	1	1			1																
28	Xã Nam Thành	1	1				1			1	1											
29	Xã Đức Linh	1	1			1																
30	Đặc khu Phú Quý	2	1	1		1		1		1	1											
31	Xã Tánh Linh	1	1			1																
32	Phường Nam Gia Nghĩa	1	1			1																
33	Xã Đắc Will	1	1			1				1			1									
34	Xã Krông Nô	1	1				1			1			1	1								
35	Xã Thuận An	1	1			1																Đủ tuổi tham gia đại biểu HĐND tỉnh trọn nhiệm kỳ
36	Xã Thuận Hạnh	1	1			1																Đủ tuổi tham gia đại biểu HĐND tỉnh trọn nhiệm kỳ
37	Xã Quảng Sơn	1	1			1				1												
38	Xã Kiến Đức	1	1			1				1												
39	Xã Tuy Đức	1	1			1				1												1
40	Xã Quảng Hòa	1		1		1				1												



STT	Tên đơn vị	Số lượng đại biểu phân bố	Thành phần người được giới thiệu ứng cử											Cơ cấu định hướng				
			Số người giới thiệu ứng cử	Lãnh đạo cấp xã	Lãnh đạo cấp phòng	Khác (lãnh đạo DN, chức sắc, công chức, viên chức,...)	Lĩnh vực công tác					Cơ cấu và cơ cấu kết hợp (tính theo số lượng ứng cử sau hiệp thương lần 3)						
							Đảng	Hội đồng nhân dân	Ủy ban nhân dân	Mặt trận, Tổ chức chính trị - xã hội	Khác (Y tế, giáo dục, KHCN, nông dân, công nhân, tôn giáo, kinh tế,...)	Nữ	Trẻ (dưới 40 tuổi)		Ngoài đảng	Dân tộc thiểu số	Tái cử	Tôn giáo
41	Xã Tân Hội	1	1				1			1	1							
42	Xã Tà Năng	1			1						1	1	1					
43	Xã Quảng Lập	1		1			1			1	1							
44	Xã Bảo Lâm 5	1	1				1				1							
45	Xã Đạ Terh 2	1			1				1		1	1				1		
46	Xã Cát Tiên 3	1		1			1			1	1		1		1			
47	Xã Hòa Thắng	1		1				1			1							
48	Xã La Dạ	1		1				1		1	1		1					
49	Xã Hàm Thạnh	1		1			1			1			1					
50	Xã Sơn Mỹ	1		1				1			1							
51	Xã Suối Kiệt	1			1			1			1	1						
52	Xã Quảng Phú	1			1			1		1	1	1						
53	Xã Đức Lập	1	1			1												
54	Xã Đắc Song	1			1			1			1	1						
55	Phường Cam Ly - Đà Lạt	1		1		1				1	1							
56	Xã Lạc Dương	1		1			1				1							
57	Xã Hiệp Thạnh	1	1			1												
58	Phường B'Lao	1	1				1			1				1				
59	Phường Tiến Thành	1	1			1				1								
60	Xã Đắc Sắk	1			1			1			1	1						
61	Xã Bắc Ruộng	1			1				1		1	1				1		



STT	Tên đơn vị	Số lượng đại biểu phân bố	Số người giới thiệu ứng cử	Thành phần người được giới thiệu ứng cử													Cơ cấu định hướng
				Lãnh đạo cấp xã	Lãnh đạo cấp phòng	Khác (lãnh đạo DN, chức sắc, công chức, viên chức,...)	Lĩnh vực công tác					Cơ cấu và cơ cấu kết hợp (tính theo số lượng ứng cử sau hiệp thương lần 3)					
							Đảng	Hội đồng nhân dân	Ủy ban nhân dân	Mặt trận, Tổ chức chính trị - xã hội	Khác (Y tế, giáo dục, KHCN, nông dân, công nhân, tôn giáo, kinh tế,...)	Nữ	Trẻ (dưới 40 tuổi)	Ngoài đảng	Dân tộc thiểu số	Tái cử	
62	Xã Nghị Đức		1	1				1				1					
63	Xã Ka Đô		1	1							1						1
64	Xã Tân Hải		1		1			1				1					
<b>Tổng</b>		<b>38</b>	<b>65</b>	<b>46</b>	<b>12</b>	<b>7</b>	<b>38</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>25</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>19</b>	<b>5</b>

Lãnh đạo cấp xã	46	Hội đồng nhân dân	8
Lãnh đạo cấp phòng, tương đương	12	Ủy ban nhân dân	9
Khác	7	Mặt trận, đoàn thể	6
Lĩnh vực công tác đảng	38	Khác	2

1